TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS- ST
Ngày: 06-8-2018
V/v " tranh chấp hợp đồng dân sự "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quốc Huy
2. Bà Phạm Thị Chuộng
- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương- Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương *tham gia phiên toà:* Bà Quách Thị Nên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc *" tranh chấp hợp đồng dân sự*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐDS- ST ngày 24/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1970 và anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn D, xã L huyện KM, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 và chị Mạc Thị Th, sinh năm 1972.

Đều ở địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện KM, tỉnh Hải Dương.

(Anh L, anh S, anh T có mặt, chị Th vắng mặt có ủy quyền cho anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh L và anh S là anh em ruột cùng chung vốn để làm trang trại nuôi lợn. Do có mối quan hệ là hàng xóm nên vào khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2017, vợ chồng anh T, chị Th có mua lợn của các anh về mổ thịt kinh doanh. Khi bán lợn

cho vợ chồng anh T, hai bên chỉ mua bán bằng miệng, có thỏa thuận hình thức thanh toán mua lần nào trả lần đấy. Vợ chồng anh T mua lợn của anh L, anh S làm nhiều lần và đã thanh toán tiền cho các anh. Đến tháng 8 năm 2017 anh chị không mua lợn của hai anh nữa nữa nên các bên đã cùng chốt số nợ còn lại. Hai bên ghi lại số nợ vào giấy cùng xác định tổng số nợ anh T chị Th còn nợ anh L, anh S là 133.278.000 đồng. Trong nội dung giấy không thỏa thuận về lãi suất và cụ thể ngày nào trả. Từ khi chốt nợ đến nay đã nhiều lần các anh đến yêu cầu anh T, chị Th phải thanh toán số nợ nhưng anh chị không trả. Anh L và anh anh S cùng yêu cầu vợ chồng anh T, chị Th phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ là 133.278.000 đồng theo như giấy các bên đã cùng kí nhận và lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên sau đó các anh thay đổi ý kiến chỉ yêu cầu anh T chị Th phải trả toàn bộ số tiền nợ là 133.278.000 đồng và tự nguyện không yêu cầu lãi suất. Anh L và anh S không đồng ý cho anh chị trả dần số nợ này.

Bị đơn là chị Mạc Thị Th và anh Nguyễn Văn T trình bày: Khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 8 năm 2017 anh chị có mua lợn của anh L và anh S về mổ để kinh doanh. Khi mua lợn hai bên chỉ mua bán bằng miệng và cùng thỏa thuận mua lần nào thanh toán tiền lần đó. Trong quá trình mua lợn của anh em anh L, anh chị đã thanh toán tiền nhưng vẫn còn nợ lại. Đến tháng 8 năm 2017 anh chị không mua lợn nữa hai bên đã làm giấy chốt nợ. Trong nội dung giấy ghi tổng số nợ còn lại anh chị chưa trả cho anh L và anh S là 133.278.000 đồng, hai bên không thỏa thuận về lãi suất và cụ thể thời gian trả tiền. Kể từ khi chốt nợ đến nay vợ chồng anh chưa thanh toán được số tiền nợ cho anh L và anh S. Nay anh chị xác định còn nợ anh L, anh S số tiền 133.278.000 đồng là đúng. Anh chị đồng ý trả nhưng xin được trả dần mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Nguyễn Văn T xác định vợ chồng anh đồng ý có trách nhiệm trả số nợ 133.278.000 đồng cho anh Lăng, anh Suất. Số tiền này anh chị sẽ trả cho các anh làm hai lần, lần thứ nhất vào tháng 12 năm 2018 trả 50.000.000 đồng; lần thứ 2 trong năm 2019 anh trả toàn bộ số tiền còn lại. Anh L và anh S không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp

hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 430; 431; 433;434; 440; 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Văn S. Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Mạc Thị Th phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền 133.278.000 đồng cho anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Văn S.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T và chị Mạc Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn chị Mạc Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 và có ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Th.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 8 năm 2017 anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn S có bán cho anh Nguyễn Văn T và chị Mạc Thị Th lợn thịt để anh chị kinh doanh. Hai bên mua bán bằng miệng, mua lần nào trả tiền ngay lần đó. Anh T và chị Th mua lợn của anh L, anh S làm nhiều lần và đã thanh toán tiền. Tuy nhiên anh chị chưa thanh toán hết tiền cho anh L và anh S. Đến tháng 8 năm 2017 anh T, chị Th ngừng không mua lợn nữa nên hai bên đã cùng chốt số nợ còn lại, được thể hiện theo giấy anh L và anh S cung cấp cho Tòa án là 133.278.000 đồng. Anh T, chị Th xác định số nợ này là đúng và đồng ý trả cho anh L và anh S. Do vậy, yêu cầu của anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn S là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 430; 431; 433; 440 của Bộ luật dân sự buộc vợ chồng anh T, chị Th phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ là 133.278.000 đồng cho anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Văn S.

Về yêu cầu trả lãi suất: Anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn S tại quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay các anh rút yêu cầu buộc vợ chồng anh T, chị Th phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ. Anh L và anh S tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất nên không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T và chị Mạc Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ theo quy định tại các Điều 430; 431; 433; 434;440; 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Văn S. Xác định anh Nguyễn Văn T và chị Mạc Thị Th còn nợ anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn S số tiền là 133.278.000 đồng.

2. Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Mạc Thị Th phải trả cho anh L, anh S số tiền là 133.278.000 *(một trăm ba ba triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn)* đồng. Anh L, anh S tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ng□ời đ□ợc thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T và chị Mạc Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.664.000 đồng *(sáu triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn*) đồng. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.350.000 *(ba triệu ba trăm năm mươi nghìn)* đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0001667 ngày 07/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Nguyệt

Hội thẩm nhân dân **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nguyệt